

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với tốc độ nhanh, đã hình thành xu thế phát triển mới trong nhiều lĩnh vực, trong đó chuyển đổi số là một trong những yếu tố quan trọng, đã có những tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến phát triển đô thị thông minh, chính quyền số và cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp, mang lại những kết quả ban đầu rất tích cực, từng bước đáp ứng được yêu cầu của tiến trình thực hiện chuyển đổi số. Kiến trúc nền tảng của chính quyền điện tử bước đầu được hình thành; cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông được tăng cường đầu tư và hoạt động ổn định, hiệu quả; các hệ thống thông tin trọng yếu được triển khai đồng bộ, kết nối liên thông 4 cấp, như: Hệ thống liên thông văn bản điện tử có ký số, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống họp trực tuyến,... 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 và kết nối liên thông trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; Chỉ số mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT Index) năm 2020 của tỉnh đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố, tăng 29 bậc so với năm 2015.

Kinh tế số bước đầu đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; công nghệ số đang được ứng dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục, dịch vụ,... xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống người dân, nhất là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn là một khái niệm mới, nhận thức về chuyển đổi số còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử tại một số đơn vị, địa phương chưa đạt yêu

cầu. Hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Một số doanh nghiệp chưa chủ động tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ số. Việc tham gia sử dụng công nghệ số của người dân còn ở mức độ nhất định. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn nhiều khó khăn, thách thức.

Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính của hạn chế, tồn tại đó là: Một số ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân chưa nhận thức đầy đủ về chuyển đổi số; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc; các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế nguồn lực, nhân lực để áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

Để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về “Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu khách quan, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Một số cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

- Chuyển đổi số trên cơ sở nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm, phát huy quyền làm chủ của người dân và phục vụ người dân được tốt hơn.

- Chuyển đổi số là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa những thành tựu phát triển công nghệ, các ứng dụng và dữ liệu số đã có, đi đôi với đổi mới sáng tạo.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng nhanh và bền vững

dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân. Phân đầu đến năm 2030, Nam Định cơ bản hoàn thành chuyển đổi số gắn với các dịch vụ đô thị thông minh, kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Tỉnh Nam Định thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

- Về phát triển chính quyền số:

+ Duy trì 100% thủ tục hành chính của tỉnh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (trừ một số thủ tục hành chính có tính chất đặc thù, có quy định riêng) và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 90% hồ sơ công việc của tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

+ 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối chia sẻ với các nền tảng, hệ thống thông tin của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Về phát triển kinh tế số: Phân đầu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

- Về phát triển xã hội số:

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

b) Đến năm 2030

- Tỉnh Nam Định hoàn thành cơ bản chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh, kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc. Thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

- 100% hồ sơ công việc của tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai kịp thời, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về chuyển đổi số, nhất là Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa bàn phụ trách; coi đây là một trong các tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua hàng năm.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết, tính cấp thiết của chuyển đổi số. Thực hiện chuyển đổi số theo phương châm: “nhận thức” là quyết định, “người dân, doanh nghiệp” là trung tâm, “thể chế và công nghệ số” là động lực, “nền tảng số” là đột phá, “an toàn, an ninh thông tin” là then chốt, “chính quyền” là tiên phong, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện chuyển đổi số.

2. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại. Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác phục vụ chuyển đổi số.

Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Quan tâm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo nhân lực, xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo về công nghệ.

3. Phát triển hạ tầng, nền tảng số

Phát triển hạ tầng, nền tảng số để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu; đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích cho xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, phát triển hạ tầng số, nền tảng số như: Trung tâm dữ liệu, nền tảng chính quyền điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm giám sát điều hành thông minh, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống phần mềm dùng chung, kết nối mạng chuyên dùng; cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, internet; nâng cấp mạng di động 4G, triển khai hệ thống cung cấp mạng di động 5G.

4. Phát triển chính quyền số

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số; cung cấp dịch

vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

Các cơ quan, đơn vị tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành; tập trung triển khai số hóa hồ sơ, dữ liệu; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy,...

5. Phát triển kinh tế số

Hỗ trợ thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số, các doanh nghiệp có hàm lượng ứng dụng công nghệ số cao để có vai trò “dẫn dắt” trong chuyển đổi số, nhằm tạo ra thị trường và thu hút các doanh nghiệp công nghệ số. Phát triển, triển khai hệ thống phổ cập, hỗ trợ, trao đổi, hướng dẫn về các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận và thực hiện chuyển đổi số.

Tập trung phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực trọng tâm, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh, chuyển dịch từng bước sang các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh, như: công nghiệp, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng - thương mại điện tử, du lịch, giao thông vận tải và logistics.

6. Phát triển xã hội số

Xây dựng các chương trình phổ biến, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận. Xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

Tăng cường triển khai trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Nam Định thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

7. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

Ưu tiên chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, mang lại giá trị lớn, có hiệu quả ngay cho xã hội, như:

7.1. Xây dựng chính quyền điện tử

Tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp.

7.2. Xây dựng đô thị thông minh

Từng bước triển khai xây dựng, phát triển một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh như: hệ thống giám sát an ninh thông minh, giao thông thông minh, số hóa các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, giáo dục, y tế, du lịch,... Phân đấu đến năm 2030, thành phố Nam Định là thành phố thông minh, hiện đại.

7.3. Lĩnh vực y tế

Xây dựng và triển khai đề án phát triển y tế thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để giảm tải cho các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo đối với dịch bệnh truyền nhiễm. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhất là việc nghiên cứu sử dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chuẩn đoán hình ảnh đối với bệnh viện tuyến tỉnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

7.4. Lĩnh vực giáo dục

Xây dựng và triển khai đề án phát triển giáo dục thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

7.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo đồng bộ, liên thông; xây dựng cơ sở dữ liệu về nước thải, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu,... Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

8. Bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin mạng

Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng, chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh và các sở, ban, ngành xây dựng, triển khai kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên phổ biến, tuyên truyền nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết đối với người đứng đầu các cấp, các ngành thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

5. Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

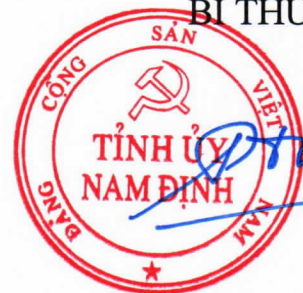
Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ đảng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, | (để báo cáo)
- Thường trực Chính phủ,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban đảng Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các đ/c ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Báo Nam Định, | (để đưa tin)
- Đài PT - TH tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Phạm Gia Túc